

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2021/HS-ST

Ngày 25-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lôi Liên Minh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 153/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 124/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021, đối với:

- Bị cáo: Trịnh Phong L, sinh năm 1981 tại tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 13, khu phố 5A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị N; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất và chưa có vợ con.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 24/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Phong L là đối tượng nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng, khoảng 19

giờ ngày 24/11/2020, L một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 16F2-7578 đi đến khu vực cây xăng 26, thuộc khu phố 11, phường T1, thành phố B gặp một người thanh niên tên C (không rõ nhân thân, lai lịch) mua 01 (một) gói ma túy đá với giá 1.500.000 đồng (một triệu, năm năm nghìn đồng) và được C cho thêm 01 (một) gói ma túy đá, mua xong L bỏ 02 (hai) gói ma túy trên vào túi nilong rồi treo trên ba ga xe mô tô. Sau đó, L điều khiển xe mô tô đi về phòng trọ của mình để sử dụng. Khi đến khu vực Tổ 20, Khu phố 2, phường T, thành phố B thì bị Công an phường T kiểm tra phát hiện bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra xử lý.

Vật chứng gồm:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 16F2-7578 L sử dụng đi mua ma túy. Quá trình điều tra, L khai chiếc xe mô tô trên là L mượn của một người tên Thắng (không rõ họ, địa chỉ). Qua xác minh nguồn gốc chiếc xe mô tô trên tại Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai thì chủ sở hữu là chị Vũ Thị Ngọc H, địa chỉ: 4/30, phường D, quận L1, thành phố Hải Phòng.

- 02 (hai) gói nilong bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng (L cho biết là ma túy dạng đá).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, số Imei 863294049568475, sim thuê bao: 0973799288 và số tiền 2.800.000 (hai triệu, tám trăm nghìn đồng) tạm giữ của Trịnh Phong L. Quá trình điều tra xác định số tài sản trên là của L không có liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số 2717/KLGD-PC09 ngày 30/11/2020 xác định: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong và có chữ ký của Trịnh Phong L gửi đến giám định là ma túy có khối lượng 2,4550gam, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số: 188/CT-VKSBH ngày 10/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trịnh Phong L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm c, Khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

- Áp dụng Điểm c, Khoản 1, Điều 249 và Điểm s, Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trịnh Phong L từ 02 (hai) năm tù đến 03 (ba) năm tù.

- Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Phong L thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 24/11/2020 tại khu vực Tổ 20, Khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Trịnh Phong L đang có hành vi tàng trữ 2,4550gam ma túy loại Methamphetamine thì bị lực lượng công an phường T, thành phố B phát hiện bắt quả tang, chuyển Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xử lý theo quy định.

- *Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo biết ma túy nguy hại trực tiếp đến bản thân người dùng và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ khả năng để nhận thức tác hại của ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu riêng của bản thân, bị cáo vẫn tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Trịnh Phong L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm c, Khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 188/CT-VKSBH ngày 10/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trịnh Phong L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Trịnh Phong L để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về các vấn đề khác:

Đối với người tên C (không rõ nhân thân lai lịch) bán ma túy cho Trịnh Phong L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về vật chứng:

- Vật chứng được kết luận là ma túy thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số lượng 2,4042 gam ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa thu giữ sau giám định.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, số Imei 863294049568475; 01 sim thuê bao: 0973799288 và số tiền 2.800.000 (hai triệu, tám trăm nghìn đồng) cho Trịnh Phong L do không có liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 16F2-7578. Hiện chưa làm việc được với người đứng tên chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục tạm giữ làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trịnh Phong L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị mức hình phạt là phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Phong L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng Điểm c, Khoản 1, Điều 249, Điểm s, Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trịnh Phong L **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày 24 tháng 11 năm 2020.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm c, Khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số lượng 2,4042 gam ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa thu giữ sau giám định.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, số Imei 863294049568475; 01 sim thuê bao: 0973799288 và số tiền 2.800.000 (hai triệu, tám trăm nghìn đồng) cho Trịnh Phong L do không có liên quan đến hành vi phạm tội.

Các vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 3 năm 2021.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Phong L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo Trịnh Phong L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Duyên